TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Biên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Duyên**

2. Bà **Phan Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thuý Thành**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Biện Thị T, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn 2, xã L huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2017 của nguyên đơn Chị Biện Thị T và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Đức D chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm

Đồng. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 10/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thời gian chị T sinh con và sinh sống ở nhà chồng thì gia đình chồng cho rằng chi phí sinh hoạt hàng ngày tăng là do chị T nên thường xuyên gây sự với chị, sau đó bố mẹ chồng, anh chồng cũng gây sự, đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà nên từ tháng 01/2015 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

- Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Đức D có với nhau 01 con chung là Nguyễn Mai Khải H, sinh ngày 30/9/2014.

Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đầu năm 2016, từ đầu năm 2016 đến đầu năm 2017 thì anh D trực tiếp nuôi con chung, từ đầu năm 2017 đến khoảng tháng 7/2017 thì chị T và anh D mỗi người nuôi cháu một tuần, từ tháng 07/2017 cho đến nay chị T trực tiếp nuôi con chung, anh D không thăm nom con, cũng không chu cấp tiền để nuôi con.

Nay chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D không có tài sản chung nào, không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và Chị Biện Thị T chung sống với nhau từ năm 2014, thời gian chung sống khoảng gần 01 năm ở nhà anh cùng với bố mẹ thì giữa chị T và mẹ anh xảy ra mâu thuẫn nên chị T về bên ngoại sống được một thời gian cũng không thể sống được nên vợ chồng ra thuê nhà trọ sống, nhưng anh thấy cuộc sống ở nhà trọ thiếu thốn nên anh đưa con về nhà bố mẹ anh ở thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để sinh sống, còn chị T vẫn sống ở nhà trọ một mình, thỉnh thoảng anh có đưa con ra thăm chị T. Đến cuối năm 2016 đầu năm 2017 do anh không thấy chị T liên lạc gì nên anh có tìm gặp thì được chị T nói là sống với anh khổ cực, không có tương lai và hiện chị T đang quen một người đàn ông khác tốt hơn anh, lo cho chị T có cuộc sống đầy đủ hơn anh nên chị T không muốn sống với anh nữa.

Sau khi biết được sự việc anh cũng đồng ý để chị T quen người đàn ông khác và làm thủ tục ly hôn nhưng với điều kiện chị T để con cho anh nuôi dưỡng và chị T đồng ý. Do vậy, anh đã nuôi con chung từ nhỏ đến cách đây khoảng tháng 12/2017 thì chị T lừa anh đã đưa con về nhà ông bà ngoại và để cho bố mẹ chị T nuôi con anh, còn chị T vẫn sống với người đàn ông khác ở Bảo L, nhưng

do người này sống không có chỗ ở cố định nên anh không biết rõ hiện ở địa chỉ cụ thể như thế nào.

Do tình cảm vợ chồng nay không còn, không thể hàn gắn được nên anh cũng đồng ý được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có với nhau 01 con chung là Nguyễn Mai Khải H, sinh ngày 30/9/2014. Ly hôn anh có nguyện vọng được nhận nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung vì từ khi con chung sinh ra cho đến nay anh vẫn đảm bảo điều kiện sống cho con chung vì anh là người trực tiếp nuôi con chung trong thời gian qua.

Nếu được quyền nuôi con, anh đảm bảo điều kiện nuôi con chung, cho cháu ăn học như những đứa trẻ khác. Hiện tại, anh làm nghề thợ xây, anh đang đi xây nhà cho người khác, những thời gian không đi xây anh về nhà làm vườn cho bố mẹ anh. Công việc hiện tại tính riêng thu nhập từ việc đi xây thì bình quân hàng tháng thu nhập khoảng 05-06 triệu đồng, còn chi phí sinh hoạt thì do bố mẹ anh lo hết do anh đang làm vườn cho bố mẹ anh.

- Về tài sản chung: anh và chị T không tạo lập được tài sản chung nào nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị T không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do anh D vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T và anh D được ly hôn; Về con chung: đề nghị giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Mai Khải H, sinh ngày 30/9/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D đều trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn Chị Biện Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức D nên xác định quan hệ *"Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Đức D chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống bình thường, đến tháng 10/2014 thì giữa chị T và gia đình bên chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 01/2015, chị T bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, và từ đó vợ chồng sống ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức D thì anh D cũng đồng ý. Xét các bên thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Đức D.

[3] Về con chung: Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Đức D có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Mai Khải H, sinh ngày 30/9/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vẫn phát triển bình thường. Nay chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh D cũng yêu cầu được nuôi con là cháu H đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh D thừa nhận từ tháng 7/2017 đến nay, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không đến thăm con chung mặc dù chị T không cản trở, lý do anh D không đến thăm nom con là do chị T có người đàn ông khác. Điều đó chứng tỏ thời gian qua, anh D không quan tâm chăm sóc con chung. Để ổn định cho cháu H sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Mai Khải H, sinh ngày 30/9/2014 cho Chị Biện Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Đức D đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 143, 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Biện Thị T xin ly hôn nên cần buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 143, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn"* của nguyên đơn Chị Biện Thị T với anh Nguyễn Đức D. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Mai Khải H, sinh ngày 30/9/2014 cho Chị Biện Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc Chị Biện Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Chị Biện Thị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004962 ngày 06/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, Chị Biện Thị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên